

Giải pháp nâng cao chất lượng công bố thông tin TNXH trên báo cáo thường niên tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam
Solutions to improve the quality of social responsibility disclosure in the annual report at Vietnam joint stock commercial banks

*Th.S. Bùi Mạnh Cường - Th.S. Nguyễn Thị Hồng Nhung**
**Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Nha Trang*

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng thông tin TNXH đối với doanh nghiệp (CSR) công bố trên báo cáo thường niên (BCTN) tại các ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP). Phương pháp nghiên cứu sử dụng là phương pháp phân tích nội dung, với 40 chỉ tiêu đánh giá về 4 khía cạnh của CSR tại NHTM là: kinh tế; trách nhiệm môi trường; trách nhiệm với người lao động và cuối cùng là trách nhiệm với cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ công bố thông tin CSR trên BCTN tại các ngân hàng TMCP đã gia tăng qua các năm. Tuy nhiên, mức độ công bố chưa đồng đều ở các khía cạnh CSR và giữa các ngân hàng TMCP. Từ kết quả thu thập và đánh giá, tác giả đề xuất một số giải pháp đối với các ngân hàng TMCP, các cơ quan quản lý Nhà nước và các bên liên quan, nhằm nâng cao chất lượng công bố thông tin CSR trên BCTN tại các NHTM.

Từ khoá: TNXH, báo cáo thường niên, ngân hàng thương mại.

Abstract

The objective of this study is to evaluate the quality of CSR information published in annual reports at joint stock commercial banks. The research method used is the content analysis, with 40 evaluation criteria for 4 aspects of CSR at commercial banks: economics responsibility; environmental responsibility; responsibility to employees and finally and responsibility to the community.

Research results show that the level of CSR information disclosure on annual reports at joint stock commercial banks has increased over the years. However, the level of disclosure is not uniform in CSR aspects and among joint stock commercial banks. From the results of the collection and evaluation, the author proposes a number of solutions for joint stock commercial banks, state management agencies and related parties to improve the quality of CSR information disclosure on the Internet. Annual report at commercial banks.

Keywords: corporate social responsibility, annual report, commercial bank.

JEL Classifications: M40, M41, M49

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.07202324>

1. Đặt vấn đề

CSR (Corporate social responsibility) đã được nghiên cứu từ những năm đầu của thế kỷ XX, sau đó được mở rộng và cụ thể hóa các yếu tố cấu thành và đến nay, CSR đã dần được tiêu chuẩn hóa và ứng dụng vào DN. CSR chỉ ra mối liên hệ

giữa DN và cộng đồng xã hội có liên quan. Báo cáo CSR mang lại cho DN một cách tiếp cận có hệ thống, trong việc quản lý các hoạt động TNXH. Qua đó, xác định các rủi ro và cơ hội trong tương lai nhằm góp phần tăng khả năng cạnh tranh và cũng duy trì hoạt động kinh doanh lâu dài, đúng đắn. Ngoài ra, những thông tin trên báo cáo CSR không chỉ phục vụ cho DN mà còn là cơ sở cho việc ra quyết định của các bên liên quan.

Các ngân hàng TMCP Việt Nam đã lập và công bố thông tin CSR thông qua BCTN hàng năm, một số ngân hàng đã lập riêng thông tin CSR thành báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI. Tuy nhiên, nội dung CSR của mỗi ngân hàng là khác nhau và chưa có nhiều nghiên cứu thực hiện để đánh giá về mức độ công bố cũng như chất lượng thông tin CSR tại các ngân hàng TMCP. Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm tổng quan về các tài liệu nghiên cứu các quy định và hướng dẫn của các tổ chức trong nước và quốc tế về CSR. Trên cơ sở đó, đo lường đánh giá chất lượng công bố thông tin CSR trên BCTN tại các ngân hàng TMCP Việt Nam. Dựa trên kết quả này, đề xuất một số gợi ý giải pháp cho các ngân hàng TMCP để nâng cao chất lượng thông tin CSR trên BCTN.

2. Khái niệm, vai trò và yêu cầu của CSR

2.1. Khái niệm “CSR”

Theo Porter và Kramer (2011), “CSR là những giá trị được chia sẻ, là sự hòa nhập, hội nhập của DN với xã hội”.

Carroll (2016) cho rằng, “CSR có thể bao hàm chuẩn mực mà các bên liên quan bên trong và bên ngoài DN coi là đúng đắn và công bằng, hưởng ứng lại sự mong đợi của xã hội về quyền công dân hoặc bao gồm các chương trình đang hoạt động, nhằm thúc đẩy phúc lợi và thiện chí của con người”.

Theo Hội đồng Kinh doanh Thế giới vì sự phát triển bền vững (World Business Council for Sustainable Development), “CSR là TNXH của DN, là cam kết của DN đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm tốt chất lượng sản phẩm,... theo cách có lợi cho DN, cũng như cho sự phát triển chung của xã hội”.

Tiêu chuẩn GRI định nghĩa, “Báo cáo CSR là việc một tổ chức lập báo cáo công bố công khai các tác động kinh tế, môi trường và/hoặc xã hội - đóng góp tích cực và tiêu cực cho mục tiêu phát triển bền vững”.

Từ các quan điểm nghiên cứu trên cho thấy, CSR là một khái niệm rộng, có nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Tuy nhiên, xét về mặt tổng quát thì CSR chính là việc DN thực hiện một cách tự nguyện các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững, như: tuân thủ pháp luật; phát triển kinh tế bền vững; tạo môi trường thuận lợi cho người lao động làm việc và phát triển; đảm bảo quyền lợi của khách hàng; thực hiện và đảm bảo quyền con người; phục vụ và phát triển cộng đồng; sử dụng tài nguyên hợp lý và bảo vệ môi trường.

2.2. Vai trò của CSR

Một là, đối với DN

- Nâng cao hình ảnh thương hiệu và hiệu quả hoạt động của DN, thông qua việc truyền thông đến các bên liên quan và xã hội biết được thông tin về hoạt động CSR của mình. Đặc biệt, trong hiện tại, với sự bùng nổ thông tin thông qua những kênh truyền thông đa dạng thì mạng xã hội sẽ giúp khách hàng hiểu rõ hơn hoạt động của DN, những đóng góp, cam kết và trách nhiệm của DN về sản phẩm cộng đồng, từ đó làm gia tăng sự tin tưởng và quyết định lựa chọn sản phẩm của khách hàng. Đồng thời, với các DN thực hiện tốt CSR sẽ nhận được sự cảm thông, hỗ trợ của khách hàng và các bên liên quan, tới quá trình giải quyết những rủi ro và khủng hoảng trong quá trình hoạt động của mình.

- Đảm bảo sự phát triển bền vững của DN khi thực hiện tốt CSR và được cộng đồng đánh giá cao. Có nghĩa rằng, ở DN đó lợi ích của cổ đông, người lao động, khách hàng, các bên liên quan cộng đồng được quan tâm và đảm bảo, điều này thể hiện sự phát triển bền vững và tồn tại lâu dài của DN. Do vậy, tổng giá trị lợi ích mà DN đó mang lại cho mình và xã hội sẽ cao hơn so với giá trị lợi ích của những DN hoạt động chỉ với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận. Sự cân bằng và hài hòa giữa lợi ích của DN và xã hội, chính là điểm mấu chốt cho sự phát triển bền vững và lâu dài của DN.

Hai là, đối với người lao động

- Khi thực hiện CSR đối với người lao động, đòi hỏi các DN phải trả lương xứng đáng, không phân biệt đối xử, chính sách đãi ngộ và đào tạo tốt, có điều kiện thăng tiến công bằng, phù hợp tương xứng với năng lực và có điều kiện làm việc chấp nhận được,... Những điều kiện cơ bản ở trên, dù không quá phức tạp nhưng không phải DN nào cũng có thể thực hiện hoàn chỉnh. DN đáp ứng được các yêu cầu này cũng đồng nghĩa với việc, tạo ra được một đội ngũ nhân sự gắn bó và quyết tâm làm việc vì lợi ích chung của cả công ty, cũng như bản thân người lao động, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN.

- Bên cạnh đó, CSR còn góp phần xây dựng và gia tăng hình ảnh và văn hoá DN, giúp lan tỏa nhanh chóng hình ảnh DN trong cộng đồng kinh doanh. Đây là điều mà mọi DN đều mong muốn xây dựng được, với chính sách đãi ngộ tốt, văn hóa tốt và môi trường làm việc tốt thì hình thành hiệu ứng cộng hưởng thu hút nhân lực có trình độ cũng như sự gắn bó của người lao động.

Ba là, đối với khách hàng

Để thực hiện tốt CSR đối với khách hàng thì DN phải đảm bảo được sản phẩm tốt, giá cả hợp lý, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn, cùng với đó là gắn liền trách nhiệm của DN với quyền lợi của khách hàng, những việc này sẽ giúp cho quyền lợi khách hàng được đảm bảo. Đồng thời, qua việc thực hiện tốt CSR đối với khách hàng sẽ giúp nâng cao giá trị DN, sự gắn kết của khách hàng và giúp khách hàng trở thành một phần của DN, từ đó sẽ tạo điều kiện cho DN phát triển bền vững.

Bốn là, đối với nhà cung cấp

Thực hiện CSR với nhà cung cấp không chỉ đơn thuần tạo được mối quan hệ gắn bó mật thiết với các bên, tăng sự thiện chí và ủng hộ, hỗ trợ lẫn nhau, mà còn đảm bảo các giá trị lợi ích và giá trị tạo dựng trong chính hoạt động sản xuất kinh doanh, để phục vụ và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của các bên liên quan trong mối quan hệ kinh doanh.

Năm là, đối với môi trường

Bảo vệ môi trường là một tiêu chí quan trọng đối với các DN khi thực hiện CSR, các DN luôn phải có các hành động để giảm thiểu chất thải và khí thải ra môi trường đến mức tối đa. Bên cạnh đó, các DN cũng phải có ý thức sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên là đầu vào cho quá trình sản xuất. Đồng thời, DN phải tích cực sử dụng các loại năng lượng tái tạo và nguồn năng lượng sạch không gây hoặc ít gây ảnh hưởng đến môi trường. Khi DN làm tốt việc bảo vệ môi trường thì cộng đồng sẽ đảm bảo cho hoạt động bền vững của DN. Không chỉ có vậy, DN sẽ được hưởng những hỗ trợ và chính sách ưu đãi từ chính quyền địa phương, cùng với sự ủng hộ của cộng đồng, đối tác trong quá trình hoạt động và phát triển của mình.

2.3. Yêu cầu về chất lượng thông tin CSR

Báo cáo CSR của DN cần đảm bảo đáp ứng đủ 4 khía cạnh chính, bao gồm:

Độ tin cậy: độ tin cậy của báo cáo có thể được thể hiện bởi những cam kết của các nhà quản lý cao nhất của DN, thông qua việc mô tả chính sách và giới thiệu nhân sự, phương pháp thu thập dữ liệu và các mục tiêu của DN. Độ tin cậy sẽ được tăng lên, khi có sự tham gia đánh giá của bên thứ ba độc lập.

Tính đầy đủ: nội dung báo cáo CSR bao gồm tất cả các hoạt động kinh doanh, cũng như cung cấp đầy đủ thông tin về các lĩnh vực hoạt động chính của DN có tác động đến xã hội và môi trường.

Tính trọng yếu: DN nên sử dụng tối đa các chỉ số về định lượng và định tính để đánh giá TNXH của DN mình.

Hình thức phù hợp: hình thức của báo cáo luôn có vai trò quan trọng. Báo cáo CSR phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và có độ dài hợp lý.

3. Hệ thống tiêu chuẩn về CSR

3.1. Các tiêu chuẩn TNXH quốc tế

“*Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế*” (OECD - *Organization for economic cooperation and development*): thành lập năm 1961 và hiện nay có 34 thành viên, trong đó chủ yếu là các nước phát triển. Bản hướng dẫn đầu tiên của OECD về tập đoàn đa quốc gia là vào năm 1976, đến năm 2011 đã 5 lần được đề cập, bổ sung; có mục tiêu tăng cường cơ sở tin tưởng lẫn nhau giữa các DN xã hội, giúp cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài đóng góp vào sự phát triển bền vững. OECD đã đưa ra các chỉ dẫn cho các tập đoàn đa quốc gia thực hiện TNXH một cách toàn diện, hướng dẫn này mang tính tự nguyện để thúc đẩy sự phát triển bền vững thông qua hoạt động CSR của các tập đoàn đa quốc gia. Các khía cạnh CSR cần thực hiện, đó là: công bố thông tin; quyền con người; lao động; môi trường; chống tham nhũng; (6) đảm bảo lợi ích người tiêu dùng; (7) ứng dụng khoa học và công nghệ; (8) đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và thực hiện chuỗi cung ứng có hiệu quả.

Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (UNGC - United Nations Global Compact): là sáng kiến về tính bền vững của DN lớn nhất thế giới, với hơn 13.000 DN tham gia và các bên liên quan khác, trên 170 quốc gia, với hai mục tiêu chính là: lồng ghép 10 nguyên tắc trong hoạt động kinh doanh trên toàn thế giới và xúc tác các hành động ủng hộ các mục tiêu rộng lớn hơn của Liên Hợp Quốc”. Trong đó

bao gồm 10 nguyên tắc cốt lõi về bảo vệ: quyền con người; người lao động; môi trường và chống tham nhũng, mà các bên cam kết tôn trọng và yêu cầu các DN phải nhận thức, hỗ trợ và thực hiện.

Tiêu chuẩn ISO 26000 (International standard organization 26000): là tiêu chuẩn CSR của tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa, được ban hành từ tháng 11/2010. Theo bộ tiêu chuẩn này, CSR bao gồm các trách nhiệm đối với những ảnh hưởng từ hoạt động của DN đến xã hội và môi trường; được thực hiện qua các hành vi minh bạch và có đạo đức nhằm đóng góp cho sự phát triển bền vững (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội); quan tâm đến lợi ích của các bên có liên quan; tuân thủ luật pháp và phù hợp với các nguyên tắc ứng xử quốc tế; được tích hợp và thực hiện trong toàn bộ DN. Tiêu chuẩn này hỗ trợ các DN, tham gia một cách nỗ lực thực hiện TNXH theo yêu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative): do Liên minh và chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc thành lập năm 1997 ở Boston (Mỹ). Đây là tổ chức tiêu chuẩn độc lập quốc tế cung cấp các tiêu chí và hướng dẫn xây dựng báo cáo phát triển bền vững, giúp các DN, chính phủ và các tổ chức khác hiểu và truyền đạt tác động của họ đối với các vấn đề về phát triển bền vững, như biến đổi khí hậu, nhân quyền và tham nhũng. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống chuẩn mực phát triển bởi GRI được sử dụng rộng rãi nhất. Theo khảo sát năm 2020 của KPMG về báo cáo phát triển bền vững, thì 96% trong số 250 công ty lớn nhất toàn cầu (Fortune Global 250) phát hành báo cáo phát triển bền vững và khoảng 75% công ty trong số đó sử dụng hệ thống chuẩn mực của GRI trong báo cáo của họ, một số công ty khác mặc dù không sử dụng chuẩn mực GRI nhưng cũng sử dụng một số nội dung của GRI trong báo cáo của mình.

Khuôn mẫu GRI được công bố lần đầu năm 2000 với sự tham gia từ nhiều bên, bao gồm các tổ chức kinh doanh, tổ chức dân sự, người lao động và các tổ chức nghề nghiệp từ khắp nơi trên thế giới. Từ thời điểm công bố năm 2000, khuôn mẫu GRI được trải qua nhiều lần cập nhật, nâng cấp và sửa đổi. Phiên bản gần đây nhất của bộ hướng dẫn này là G4, được phát hành năm 2013. Đến năm 2016, GRI đã đưa ra bộ chuẩn mực báo cáo phát triển bền vững GRI (GRI - Sustainability reporting standards) dựa trên bộ hướng dẫn G4. Bộ chuẩn mực của GRI tăng cường tính so sánh và chất lượng của các thông tin về phát triển bền vững, đảm bảo sự minh bạch hơn đối với các tác động kinh tế, môi trường và xã hội. Trong báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI các chỉ tiêu có thể được trình bày định lượng hoặc định tính, điều này sẽ giúp người đọc tiếp cận thông tin rõ ràng và dễ hiểu hơn. DN có thể chỉ rõ được những hoạt động của mình, đặc biệt là các nội dung về kinh tế, xã hội và môi trường, cũng như các chính sách hướng đến người lao động, khách hàng và sản phẩm của DN.

3.2. Một số tiêu chuẩn quốc tế khác

ISO 45001:2018: đây là một trong các bộ tiêu chuẩn TNXH, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh cho người lao động, bằng cách kiểm soát, hạn chế và cải tiến việc thực hiện an toàn sức khỏe nghề nghiệp tại nơi làm việc.

SA 8000: đây là tiêu chuẩn quốc tế ra đời vào năm 2001, Tiêu chuẩn SA 8000 bao gồm các tiêu chí đảm bảo quyền lợi cơ bản của người lao động trong DN,

trong đó đặc biệt yêu cầu sự công khai, minh bạch trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- BSCI: tiêu chuẩn này được ban hành vào năm 2003, do Hiệp hội Ngoại thương (FTA) đề xuất. BSCI cung cấp diễn đàn dùng chung cho các quy tắc ứng xử và hệ thống giám sát ở châu Âu về TNXH của DN. Trong đó, hướng tới mục tiêu cải thiện điều kiện làm việc của chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua cam kết mạnh mẽ của những thành viên trong hệ thống.

- SMETA: tiêu chuẩn này cung cấp các kỹ thuật đánh giá việc thực hành đạo đức của DN. SMETA đánh giá khái quát các khía cạnh của TNXH, với 4 trụ cột chính là: người lao động, sức khỏe và an toàn, môi trường, đạo đức kinh doanh.

Nhìn chung, các bộ tiêu chuẩn TNXH thường có phạm vi bao quát và các tiêu chí chung, trường tương đối giống nhau. Tuy nhiên, mức độ yêu cầu ở từng tiêu chí lại có sự khác biệt. Bởi vậy, DN cần căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, phạm vi thị trường, yêu cầu của đối tác, năng lực nội bộ,... để lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn TNXH phù hợp.

3.3. Tiêu chuẩn công bố thông tin TNXH tại Việt Nam

Tại Việt Nam, về mặt pháp lý thông tin TNXH báo cáo được yêu cầu trình bày trên BCTN tại các DN có niêm yết trên thị trường chứng khoán, thông qua Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Và đến năm 2020, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ra đời và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 đã thay thế cho Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Mặc dù, trong Thông tư 155/2015 và Thông tư 96/2020 chưa có điều mục quy định cụ thể về việc lập và trình bày báo cáo CSR của DN nhưng trong Mục 6 phần 2 của Phụ lục số 04 về trình bày BCTN của DN cũng đã có nội dung yêu cầu DN phải công bố thông tin về “Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty”. Đồng thời, cũng khuyến khích các DN áp dụng chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc lập báo cáo phát triển bền vững để công bố thông tin CSR trong hoạt động của mình.

Không giống như hệ thống báo cáo tài chính được dựa trên các quy định pháp lý đi kèm trong quá trình lập, trình bày và công bố thông tin. Quy định về báo cáo CRS của DN được trình bày 01 phần trong BCTN và chỉ mới yêu cầu DN có niêm yết trên thị trường chứng khoán công bố, cùng với đó là khuyến khích việc lập báo cáo phát triển bền vững. Việc lập và trình bày theo hướng mở, trong đó các DN sẽ dựa trên quan điểm, năng lực của mình mà lựa chọn hệ thống chuẩn mực sử dụng, mức độ tuân thủ theo hệ thống chuẩn mực đó, định dạng của báo cáo họ sẽ thực hiện và xem xét về việc có thuê bên thứ ba để xác minh các thông tin mà họ công bố trong báo cáo này hay không.

Chỉ số DN bền vững (CSI): chỉ số CSI được xây dựng và phát triển bởi Hội đồng DN vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Bộ chỉ số CSI được thiết kế dành riêng cho các DN Việt Nam, với sự tham gia của các DN, bộ, ngành liên quan; các chuyên gia trong và ngoài nước; trong đó bao gồm các tiêu chí phù hợp với bối cảnh, điều kiện, qui định của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Các chỉ tiêu trong CSI được sử dụng để làm cơ sở đánh giá về tiêu chí về PTBV trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội của DN Việt Nam. Ngoài ra, CSI cũng là công cụ để ghi nhận các mục tiêu đo lường và quản lý các thay đổi nhằm làm cho hoạt

động DN được bền vững hơn. Ưu điểm của Bộ chỉ số CSI, là có thể áp dụng được với tất cả các DN, các chỉ tiêu rõ ràng, cụ thể và dễ hiểu; đánh giá chính xác về hoạt động của DN trong việc thực hiện PTBV.

4. Phương pháp đánh giá thông tin CSR trên BCTN của các NHTMCP

Các phương pháp có thể được xem xét để đo lường, đánh giá thông tin CSR của DN, bao gồm:

Phương pháp đo lường bằng số từ, số câu hoặc theo tỷ lệ trang công bố thông tin: phương pháp này được sử dụng trong các nghiên cứu (Chan và cộng sự, 2014; Kasbun và cộng sự, 2017). Ưu điểm của phương pháp này dễ thực hiện, đơn giản, dữ liệu phân tích được thu thập từ các báo cáo của các DN được khảo sát. Tuy nhiên, phương pháp này được cho là không chính xác, do số lượng từ và câu không rõ ràng, tỷ lệ trang còn phụ thuộc vào cách định dạng, kích thước chữ, hình ảnh... và đặc biệt, là không nêu rõ được thông tin trình bày trên các báo cáo.

Phương pháp sử dụng bộ dữ liệu chỉ số xếp hạng: phương pháp này dựa trên kết quả bình chọn, đánh giá theo các tiêu chí đã được thiết lập của các tổ chức xếp hạng độc lập đánh giá xếp hạng công bố thông tin CSR của DN. Ưu điểm của phương pháp này là kết quả đánh giá về thông tin CSR của DN đã có sẵn. Tại Việt Nam, một số tổ chức có đánh giá, xếp hạng về kết quả công bố thông tin CSR của DN thường niên như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội đồng DN vì sự Phát triển bền vững Việt Nam; Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HN, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital. Ngoài ra, tổ chức cung cấp dịch vụ, tư vấn và đào tạo thực hành phát triển bền vững CSR Works cũng đánh giá báo cáo phát triển bền vững của các DN tại châu Á, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, việc tham gia đánh giá, xếp hạng phụ thuộc vào mức độ tự nguyện tham gia của DN và được triển khai chung cho tất cả DN, chứ chưa có phân loại, đánh giá cho từng nhóm ngành riêng biệt, cụ thể.

Phương pháp khảo sát dựa trên bảng câu hỏi: phương pháp này được thực hiện, bằng cách xây dựng các câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu sau đó gửi đến những đối tượng liên quan để nhận được câu trả lời của họ. Dữ liệu từ những câu trả lời đã thu thập được sẽ được thống kê và phân tích để đánh giá nội dung cần nghiên cứu. Phương pháp này là phương pháp nghiên cứu định lượng, vì vậy có thể triển khai nghiên cứu trên quy mô lớn, thuận tiện cho quá trình khảo sát do có thể sử dụng đa dạng phương pháp khảo sát và dễ dàng xử lý thông tin dựa trên bảng câu hỏi và kết quả trả lời đã thu thập được. Tuy nhiên, khi soạn phiếu hỏi đòi hỏi đầu tư sự công phu, trình độ cao, khoa học với đối tượng cần nghiên cứu và một số hạn chế phát sinh do lại tồn tại tính chủ quan, lỗi đo lường, không phản hồi.

Phương pháp đo lường CSR bằng thước đo chi tiêu: phương pháp này sử dụng dữ liệu tiền tệ của các DN cho các khía cạnh của CSR. Sau khi thu thập dữ liệu về khoản tiền đã chi cho từng khía cạnh của CSR, tổng chi tiêu CSR của ngân hàng được tính bằng tổng số tiền đã chi tiêu cho các khía cạnh. Phương pháp này có ưu điểm vì chúng có sẵn, dễ dàng có được, không tốn kém do được lấy trực tiếp từ báo cáo tài chính hay BCTN, không phải qua quá trình thu thập, xử lý và có thể so sánh được giữa các công ty. Tuy nhiên, khái niệm CSR là đa chiều. Vì vậy, sử

dụng thước đo chi tiêu để đại diện cho các thành phần của CSR sẽ không phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện và công bố thông tin CSR của ngân hàng.

Phương pháp phân tích nội dung: phân tích nội dung là phương pháp mã hóa nội dung theo các tiêu chí đã chọn và mang tính khách quan hơn. Sau khi mã hóa, kỹ thuật định lượng được sử dụng để thực hiện phân tích. Ưu điểm chính của phương pháp này là tính linh hoạt cho quá trình nghiên cứu CSR của DN, dựa trên thành phần CSR quan tâm, thu thập dữ liệu theo các thành phần đó và mã hóa dữ liệu bằng số để sử dụng phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Tuy nhiên, điều kiện bắt buộc để thực hiện được phương pháp này là các DN phải công bố các thông tin CSR đã thực hiện của mình.

Khi nghiên cứu công bố thông tin về CSR của các ngân hàng TMCP Việt Nam, thì phương pháp phân tích nội dung được xem là phù hợp và đã có nhiều nghiên cứu đã vận dụng phương pháp phân tích nội dung trong các nghiên cứu công bố thông tin CSR của các DN tại Việt Nam trong thời gian gần đây, như: (Trần Thị Hoàng Yến (2016), Nguyễn Bích Ngọc (2018), Hà Thị Thuỷ (2019), Trần Quốc Thịnh và cộng sự (2021), Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2021), các phương pháp còn lại thì số lượng nghiên cứu khá ít và khó thực hiện, đặc biệt là trong những nghiên cứu với số lượng mẫu lớn. Bên cạnh đó, nguồn dữ liệu về CSR trên BCTN của các ngân hàng TMCP được công bố hàng năm và hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá, đo lường CSR của các tổ chức trong và nước luôn được nghiên cứu, cập nhật đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích, đánh giá thông tin CSR của các ngân hàng TMCP theo phương pháp phân tích nội dung được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: xây dựng các chỉ tiêu đo lường các thành phần CSR

Để đo lường CSR bằng phương pháp phân tích nội dung, một bảng các tiêu chí đánh giá về công bố CSR tại các ngân hàng TMCP cần được thiết kế dựa trên các quy định, hướng dẫn, nghiên cứu đi trước hoặc các tiêu chí tự xây dựng từ các dữ liệu CSR mà các ngân hàng TMCP đã công bố, cụ thể:

- Dựa trên bộ tiêu chí được đề cập ở Phụ lục 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC và việc công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội là bắt buộc đối với các ngân hàng TMCP có niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra với đặc thù của mình, các ngân hàng TMCP với hoạt động của mình cũng có những quy định riêng biệt mà các ngân hàng TMCP phải tuân thủ, như: Quyết định số 1604/QĐ-NHNN về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Do đó, các chỉ tiêu xây dựng cũng cần phù hợp với những quy định này.
- Dựa trên các hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và trong nước, trong đó chuẩn mực GRI được xây dựng trên phiên bản GRI 4, không những được các DN vận dụng để lập báo cáo PTBV, mà còn được nhiều nghiên cứu áp dụng để thiết kế các chỉ tiêu đo lường CSR của DN, như: (Taskin (2015), Matuszak và Rozanska (2017), Hồ Thị Vân Anh (2018), Hoàng An Bắc và cộng sự (2020), Dương Thị Thu Thảo và cộng sự (2019), Hoàng Cẩm Trang và cộng sự (2019). Bộ chỉ số CSI, phiên bản mới nhất là CSI 2022, được xây dựng và phát triển bởi hội đồng DN vì sự phát triển bền vững Việt Nam, trong đó hướng dẫn cho DN Việt Nam thực hiện và công bố thông tin CSR. Qua các năm, số lượng ngân hàng TMCP sử dụng tiêu chuẩn GRI và CSI tăng lên. Đồng thời, một số NHTM đã đạt các giải thưởng về

báo cáo Phát triển bền vững (PTBV) theo tiêu chuẩn GRI cũng như giải thưởng DN bền vững theo tiêu chuẩn CSI.

Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá có thể được xây dựng dựa trên kết quả tổng hợp các thông tin DN công bố hoặc dựa trên các bộ tiêu chí sẵn có, từ nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước từ trước.

Từ hướng dẫn trình bày thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Chuẩn mực GRI, Bộ chỉ số SCI 2022 và một số nghiên cứu đã thực hiện trước đây, nhóm tác giả xây dựng các chỉ tiêu nghiên cứu CSR tại NHTM, gồm 4 khía cạnh là: Kinh tế gồm 11 chỉ tiêu đánh giá; Trách nhiệm môi trường gồm 8 chỉ tiêu đánh giá; Trách nhiệm với người lao động gồm 15 chỉ tiêu đánh giá và cuối cùng là trách nhiệm với cộng đồng gồm 6 chỉ tiêu.

Bước 2: thang điểm đánh giá các tiêu chí

Thang điểm được xây dựng tùy theo mục tiêu và phạm vi nghiên cứu. Tại các ngân hàng TMCP Việt Nam, nội dung báo cáo CSR được trình bày trong BCTN và một số ngân hàng đã lập riêng nội dung này thành báo cáo PTBV theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI. Bên cạnh đó, hình thức trình bày và nội dung thông tin có sự khác biệt giữa các ngân hàng. Do đó, để làm rõ hơn về mức độ công bố thông tin, trong nghiên cứu này sử dụng thang đo đánh giá thông tin được công bố ở 03 mức độ, trong đó: 0 là không công bố thông tin; 1 là có công bố thông tin ở mức độ cơ bản (định tính hoặc định lượng) và 2 là công bố thông tin ở mức độ chuyên sâu, đảm bảo các yêu cầu về độ tin cậy, tính đầy đủ, trọng yếu, hình thức trình bày của thông tin để phân tích chi tiết và cụ thể các hoạt động CSR đã thực hiện tại đơn vị.

Bước 3: thu thập dữ liệu và đánh giá thông tin CSR tại các ngân hàng TMCP

Sau khi xây dựng tiêu chí đánh giá và các thang đo, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích đánh giá thông tin CSR tại các ngân hàng TMCP từ dữ liệu BCTN được cung cấp hàng năm. Số lượng mẫu thu thập là 31 ngân hàng TMCP, dữ liệu sẽ được phân tích theo từng năm tương ứng với mỗi ngân hàng. Chỉ số CSR của các ngân hàng TMCP (Chỉ số CSR tổng được ký hiệu là TC) được hình thành từ 4 chỉ số CSR thành phần là: Trách nhiệm kinh tế (KT), Trách nhiệm với môi trường (MT), Trách nhiệm với người lao động (LD) và Trách nhiệm với cộng đồng (CD). Các chỉ số CSR thành phần được tính bằng điểm trung bình của tất cả các chỉ tiêu trong thành phần đó. Chỉ số CSR tổng của từng ngân hàng sẽ là điểm trung bình của 4 chỉ số CSR thành phần.

5. Kết quả công bố TNXH trên BCTN tại các ngân hàng TMCP

5.1. Hình thức công bố thông tin

Thông tin CSR của các ngân hàng TMCP được hướng dẫn công tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và Thông tư 96/2020/TT-BTC thay thế cho Thông tư 155/2015/TT-BCT. Trong đó, yêu cầu các công ty niêm yết phải công bố thông tin CSR trên BCTN hoặc lập riêng thành báo cáo PTBV và khuyến khích vận dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế, trong việc lập và trình bày báo cáo PTBV. Từ số liệu khảo sát BCTN giai đoạn 2015 - 2021 cho thấy, phần lớn các ngân hàng công bố thông tin CSR trên BCTN theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trong đó một số

ngân hàng đã áp dụng Chuẩn mực GRI để lập báo cáo PTBV, nhằm trình bày chi tiết, cụ thể các hoạt động CSR đã thực hiện và số lượng này đã tăng dần qua các năm. Đến năm 2021, đã có 8/31 ngân hàng TMCP, chiếm tỷ trọng 25,8% vận dụng chuẩn mực GRI trong việc lập báo cáo PTBV. Kết quả này cho thấy, sự quan tâm và nỗ lực của các ngân hàng TMCP trong việc công bố thông tin CSR của mình.

5.2. Kết quả công bố thông tin

Nghiên cứu sử dụng thang điểm đánh giá mức độ công bố thông tin CSR của các NHTMCP ở mức 02 điểm, nên tổng trung bình tối đa cho mức độ công bố thông tin CSR tổng và thông tin CSR trên các khía cạnh là 02 điểm. Kết quả tổng hợp phân tích, như sau:

Mức độ công bố thông tin tổng thể

Trong giai đoạn 2015 - 2021 các ngân hàng TMCP đã có công bố thông tin CSR trên BCTN và mức độ công bố có xu hướng gia tăng qua các năm cho thấy, các ngân hàng TMCP đã quan tâm và đã tổ chức lập, công bố thông tin CSR tới các đối tượng liên quan. Kể cả thời điểm năm 2015, mặc dù chưa phải tuân thủ quy định về công bố thông tin về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của đơn vị theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trong đó, mức công bố thông tin CSR khía cạnh Kinh tế, Môi trường, Lao động và Cộng đồng đều tăng qua các năm và làm cho chỉ số CSR tổng cũng tăng tương ứng. Mặc dù, điểm đánh giá trung bình thông tin CSR tổng và các thành phần tại các ngân hàng TMCP tăng qua các năm tuy nhiên đều < 1. Điều này cho thấy, mức độ công bố thông tin CSR trên BCTN tại các ngân hàng TMCP không được đánh giá cao và chỉ đạt ở mức gần cơ bản là có công bố thông tin, chứ chưa có nhiều thông tin phân tích chuyên sâu để giúp các bên liên quan hiểu rõ về thông tin CSR của các ngân hàng.

Bảng 1: Thống kê mô tả về mức độ công bố thông tin CSR tại ngân hàng TMCP qua các năm

Các khía cạnh CSR	Giá trị	Năm						
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
TC	Min	-	-	-	0,18	-	-	-
	Max	1,27	1,47	1,50	1,58	1,59	1,58	1,79
	Mean	0,37	0,46	0,49	0,59	0,64	0,74	0,81
	Stdev	0,27	0,29	0,31	0,37	0,41	0,43	0,46
KT	Min	-	-	-	0,18	-	-	-
	Max	1,55	1,36	1,55	1,82	1,82	1,82	1,91
	Mean	0,57	0,65	0,68	0,77	0,83	0,88	1,05
	Stdev	0,36	0,37	0,39	0,41	0,44	0,46	0,50
MT	Min	-	-	-	-	-	-	-
	Max	1,38	1,38	1,38	1,38	1,75	1,75	1,75
	Mean	0,12	0,20	0,22	0,29	0,36	0,55	0,60
	Stdev	0,28	0,33	0,35	0,39	0,47	0,55	0,61
LD	Min	-	-	-	0,20	-	-	-

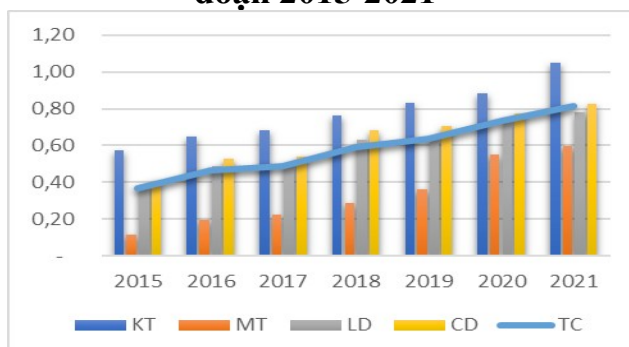
	Max	1,33	1,47	1,40	1,53	1,67	1,53	1,80
	Mean	0,39	0,49	0,50	0,63	0,64	0,74	0,78
	Stdev	0,30	0,30	0,29	0,32	0,37	0,34	0,40
CD	Min	-	-	-	0,17	-	-	-
	Max	1,17	1,67	1,67	1,83	1,83	1,83	1,83
	Mean	0,40	0,53	0,54	0,68	0,71	0,77	0,83
	Stdev	0,35	0,38	0,40	0,45	0,52	0,55	0,53

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP

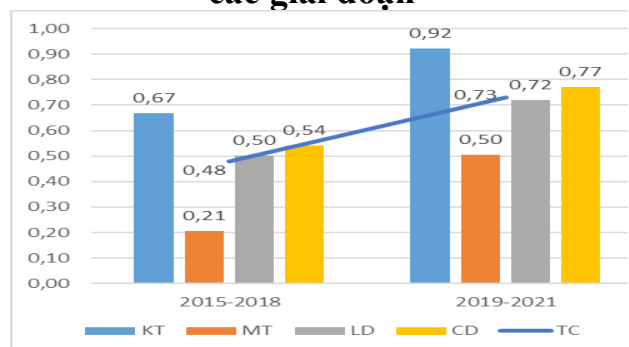
Bảng 01 cho thấy, mức độ công bố thông tin CSR tổng và thành phần giữa các ngân hàng TMCP không đồng đều qua các năm và có sự chênh lệch cao giữa mức công bố thông tin giữa các ngân hàng. Sự chênh lệch này tăng dần qua các năm, thể hiện qua các chỉ số thống kê trong bảng. Từ kết quả thống kê cho thấy, bên cạnh một số ngân hàng đã đầu tư nguồn lực, áp dụng các chuẩn mực quốc tế và quy định trong nước để công bố chi tiết, đầy đủ thông tin CSR nên điểm đánh giá tăng dần qua các năm và gần đạt tới điểm tối đa ở các khía cạnh CSR. Còn một số ngân hàng chưa thực sự quan tâm nhiều đến công bố thông tin CSR, nên điểm đánh giá khá thấp và thậm chí một số ngân hàng chưa công bố BCTN nên thông tin CSR ở mức điểm 0. Trong các khía cạnh công bố thông tin CSR tại ngân hàng TMCP thì thông tin kinh tế được quan tâm nhiều và điểm đánh giá trung bình ở mức cao nhất qua các năm; tiếp đến là thông tin về cộng đồng và người lao động; cuối cùng là thông tin về môi trường với điểm số bình quân qua các năm thấp nhất.

Như vậy, tại các ngân hàng TMCP hiện nay, việc công bố thông tin về môi trường còn một số hạn chế. Điều này một phần là do đặc thù hoạt động của ngành và một số nội dung thông tin tác động môi trường theo quy định hiện hành mang tính tự nguyện. Do vậy, thông tin về khía cạnh môi trường tại các ngân hàng TMCP còn hạn chế hơn so với các khía cạnh CSR còn lại.

Biểu đồ 1: Kết quả tổng hợp công bố thông tin CSR tại các NHTMCP giai đoạn 2015-2021



Biểu đồ 2: Kết quả tổng hợp công bố thông tin CSR tại các NHTMCP qua các giai đoạn



(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP)

Mức độ công bố thông tin trong từng giai đoạn

Có sự khác biệt khá lớn giữa hai giai đoạn, trong đó giai đoạn 2019-2021 mức độ công bố thông tin CSR đã có nhiều thay đổi khi mức công bố thông tin đã

được tăng lên, thể hiện qua nội dung thông tin công bố đầy đủ, chi tiết hơn so với giai đoạn trước đó. Các thông tin này phản ánh những cam kết, hoạt động bảo vệ môi trường đã được các ngân hàng TMCP thực hiện. Kết quả này, là do các ngân hàng TMCP phải tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến môi trường trong hoạt động của mình, như: Quyết định số 986/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1604/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án Phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, một số ngân hàng đã áp dụng chuẩn mực GRI trong công bố thông tin CSR của mình.

Mức độ công bố thông tin đối với các khía cạnh CSR

- Trách nhiệm kinh tế

Bảng 2: Mức độ công bố thông tin trách nhiệm về kinh tế

Tiêu chí	Năm							Giai đoạn		
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2015-2018	2019-2021	2015-2021
KT01	1,71	1,79	1,86	1,93	1,93	1,89	1,89	1,82	1,90	1,86
KT02	0,71	0,79	0,79	0,93	0,89	0,89	0,96	0,80	0,92	0,85
KT03	0,71	0,68	0,68	0,86	0,93	0,93	1,11	0,73	0,99	0,84
KT04	0,11	0,14	0,18	0,14	0,32	0,64	1,07	0,14	0,68	0,37
KT05	0,18	0,21	0,32	0,39	0,46	0,46	0,61	0,28	0,51	0,38
KT06	0,64	0,75	0,79	0,86	0,93	0,89	1,14	0,76	0,99	0,86
KT07	0,64	0,82	0,96	1,04	1,21	1,29	1,39	0,87	1,30	1,05
KT08	0,39	0,54	0,50	0,64	0,71	0,75	1,18	0,52	0,88	0,67
KT09	0,04	0,04	0,11	0,14	0,14	0,21	0,29	0,08	0,21	0,14
KT10	0,11	0,18	0,11	0,29	0,25	0,39	0,50	0,17	0,38	0,26
KT11	1,07	1,18	1,21	1,21	1,36	1,36	1,43	1,17	1,38	1,26
Mean	0,57	0,65	0,68	0,77	0,83	0,88	1,05	0,67	0,92	0,78

(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP)

Trách nhiệm kinh tế là khía cạnh có mức độ công bố thông tin cao nhất trong các khía cạnh công bố thông tin CSR của các ngân hàng TMCP, qua kết quả phân tích từ khảo sát trên BCTN. Hầu hết, các chỉ tiêu liên quan đến khía cạnh kinh tế đều được các ngân hàng TMCP công bố và phân tích chuyên sâu. Trong đó, các tiêu chí Kết quả kinh doanh (KT01); Thông tin về các giải thưởng liên quan đến hoạt động kinh tế (KT11) được đánh giá cao nhất, điều này là phù hợp với sự hiệu quả trong hoạt động và mục tiêu truyền thông thông tin tích cực về kết quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng TMCP, cùng với đó là chứng nhận từ cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về thành quả đạt được ngân hàng thông qua các giải thưởng được trao hàng năm. Bên cạnh đó, với xu hướng và kết quả ứng dụng CNTT trong các hoạt động của mình nên các tiêu chí về Chuyển đổi các hoạt động kinh doanh sang mô hình ngân hàng số trong cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho khách hàng (KT07) và tiêu chí Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ của ngân hàng (KT06) cũng được đánh giá cao với thông tin được trình bày đầy đủ, chi tiết

và có những phân tích rõ ràng về kết quả ứng dụng CNTT trong các hoạt động cùng với đó là các giải thưởng được trao hàng năm. Tuy nhiên, một số tiêu chí chưa được đánh giá cao và mức điểm đánh giá thấp như: chỉ tiêu về Thông lệ mua sắm (KT09) và Thực hiện các chính sách phòng ngừa tham nhũng, rửa tiền (KT10), các chỉ tiêu này chỉ được công bố tại các ngân hàng đã áp dụng chuẩn mực GRI.

- Trách nhiệm đối với môi trường

Bảng 3: Mức độ công bố thông tin trách nhiệm với cộng đồng

Tiêu chí	Năm							Giai đoạn		
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2015-2018	2019-2021	2015-2021
MT01	0,18	0,21	0,29	0,29	0,36	0,68	0,61	0,24	0,55	0,37
MT02	0,18	0,18	0,25	0,32	0,36	0,64	0,75	0,23	0,58	0,38
MT03	0,14	0,18	0,25	0,25	0,36	0,61	0,71	0,21	0,56	0,36
MT04	0,07	0,07	0,07	0,07	0,21	0,36	0,43	0,07	0,33	0,18
MT05	0,07	0,25	0,29	0,39	0,50	0,79	0,68	0,25	0,65	0,42
MT06	0,14	0,29	0,25	0,43	0,46	0,64	0,75	0,28	0,62	0,42
MT07	0,14	0,39	0,39	0,54	0,57	0,61	0,75	0,37	0,64	0,48
MT08	-	-	-	-	0,07	0,11	0,11	0,00	0,10	0,04
Mean	0,12	0,20	0,22	0,29	0,36	0,55	0,60	0,21	0,50	0,33

(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các NHTMCP)

Trong các khía cạnh đo lường CSR tại ngân hàng TMCP, thì trách nhiệm về môi trường có mức công bố thông tin thấp nhất. Qua kết quả khảo sát cho thấy, còn nhiều ngân hàng chưa công bố thông tin về trách nhiệm với môi trường hoặc chỉ công bố thông tin rất hạn chế với nội dung: “Tuân thủ các quy định, pháp luật về bảo vệ môi trường”. Điều này thể hiện rõ trong giai đoạn từ năm 2015-2018, khi hầu hết các chỉ tiêu công bố về trách nhiệm môi trường đều < mức điểm 0,3. Từ năm 2019, thông tin về trách nhiệm môi trường đã được quan tâm và công bố nhiều hơn và đạt điểm bình quân năm 2021 là 0,6, cao hơn gấp đôi so với giai đoạn từ năm 2018 trở về trước. Trong các chỉ tiêu đánh giá về trách nhiệm môi trường thì hai chỉ tiêu thống kê và kiểm soát năng lượng, nước tiêu thụ; lượng rác thải và giảm phát thải khí nhà kính (MT04) và thông tin về các giải thưởng đạt được về các hoạt động bảo vệ môi trường (MT08) có mức điểm thấp nhất, đây là hai chỉ tiêu hầu như không được các ngân hàng TMCP công bố. Hiện tại, chỉ một số ít ngân hàng TMCP có công bố về giải thưởng đạt được trong hoạt động bảo vệ môi trường và thực hiện thông kê, kiểm soát về điện, nước, xăng dầu sử dụng, các giải pháp nhằm hạn chế rác thải trong quá trình hoạt động của mình. Các chỉ tiêu trong trách nhiệm môi trường đã được các ngân hàng TMCP quan tâm công bố nhiều hơn từ năm 2019, nên điểm đánh giá có sự tăng cao so với giai đoạn trước đó. Đặc biệt, các chỉ tiêu xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm năng lượng, nước, hạn chế rác thải và giảm phát thải khí nhà kính (MT02); Chính sách và kết

quả về tín dụng xanh trong hoạt động tín dụng (MT05); Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (MT06) đã có những phân tích chuyên sâu đối với các tiêu chí này để làm rõ hơn về chính sách và hoạt động đã thực hiện của các ngân hàng trong công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của mình.

- Trách nhiệm đối với người lao động

Bảng 4: Mức độ công bố thông tin trách nhiệm với người lao động

Tiêu chí	Năm							Giai đoạn		
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2015-2018	2019-2021	2015-2021
LD01	0,96	1,07	1,14	1,25	1,32	1,39	1,39	1,11	1,37	1,22
LD02	0,29	0,54	0,50	0,57	0,57	0,79	0,79	0,47	0,71	0,58
LD03	0,43	0,61	0,54	0,61	0,57	0,50	0,61	0,54	0,56	0,55
LD04	0,39	0,46	0,46	0,54	0,64	0,79	0,75	0,46	0,73	0,58
LD05	0,39	0,54	0,43	0,68	0,64	0,71	0,93	0,51	0,76	0,62
LD06	0,64	0,71	0,75	0,89	0,89	0,96	0,86	0,75	0,90	0,82
LD07	0,50	0,57	0,68	0,86	0,89	0,93	0,93	0,65	0,92	0,77
LD08	0,68	0,75	0,79	0,93	0,86	1,04	1,11	0,79	1,00	0,88
LD09	0,68	1,00	1,00	1,18	1,18	1,46	1,32	0,96	1,32	1,12
LD10	0,18	0,14	0,14	0,32	0,25	0,32	0,57	0,20	0,38	0,28
LD11	0,29	0,36	0,39	0,50	0,64	0,75	0,79	0,38	0,73	0,53
LD12	0,18	0,14	0,07	0,18	0,18	0,18	0,18	0,14	0,18	0,16
LD13	0,18	0,25	0,36	0,46	0,43	0,61	0,64	0,31	0,56	0,42
LD14	-	0,04	0,14	0,21	0,29	0,29	0,46	0,10	0,35	0,20
LD15	-	0,11	0,11	0,32	0,29	0,32	0,39	0,13	0,33	0,22
Mean	0,39	0,49	0,50	0,63	0,64	0,74	0,78	0,50	0,72	0,59

(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP)

+ Thông tin về đội ngũ và chính sách đối với nhân sự được trình bày khá chi tiết, rõ ràng trên BCTN tại các ngân hàng TMCP. Trong các chỉ tiêu đo lường trách nhiệm của ngân hàng TMCP đối với người lao động, thì các chỉ tiêu về đội ngũ nhân sự (LD01); thu nhập (LD06); chính sách đào tạo phát triển (LD08) và thông tin đào tạo phát triển (LD09) được công bố ở mức cao nhất. Và ngày càng nhiều NHTM đã công bố thông tin này ở mức độ phân tích chuyên sâu để các bên liên quan có được các thông tin về số lượng, chất lượng đội ngũ nhân sự của ngân hàng, cùng với đó là mức thu nhập của nhân viên, đây là những nội dung quan trọng thể hiện chính sách đãi ngộ và cơ hội để nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển của người lao động.

+ Các chỉ tiêu về thông tin biến động lực lượng lao động (LD02), chính sách tuyển dụng (LD03), chính sách đánh giá người lao động (LD03), chính sách về thu nhập của người lao động (LD05) và chính sách chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho người lao động (LD11) cũng được các ngân hàng TMCP quan tâm với

mức độ công bố được gia tăng qua các năm, tuy nhiên những thông tin này chủ yếu được công bố dưới dạng dữ liệu tổng hợp hoặc chính sách chung tại các ngân hàng mà chưa có nhiều thông tin được phân tích và so sánh để làm rõ hơn về kết quả đạt được cũng như những ưu điểm về chính sách của các ngân hàng TMCP hướng đến người lao động.

+ Các chỉ tiêu có mức độ công bố thông tin thấp là: Chính sách liên quan đến bình đẳng giới (LD10), Chính sách, hoạt động hướng tới người thân của nhân viên (LD12), Hoạt động đo lường, đánh giá sự hài lòng của nhân viên (LD14) và các giải thưởng liên quan đến người lao động và môi trường làm việc (LD15). Từ kết quả khảo sát cho thấy, các chỉ tiêu này không được công bố nhiều trên BCTN tại các ngân hàng TMCP, chỉ những ngân hàng quy mô lớn và đã trình bày riêng thông tin CSR thành báo cáo PTBV theo tiêu chuẩn GRI thì các chỉ tiêu này được trình bày khá đầy đủ và chi tiết.

- Trách nhiệm đối với cộng đồng

Bảng 5: Mức độ công bố thông tin trách nhiệm với cộng đồng

Tiêu chí	Năm							Giai đoạn		
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2015-2018	2019-2021	2015-2021
CD01	0,57	0,64	0,71	0,89	0,93	0,89	1,00	0,71	0,94	0,81
CD02	0,25	0,39	0,50	0,46	0,46	0,68	0,46	0,40	0,54	0,46
CD03	0,50	0,68	0,46	0,89	0,89	0,89	0,82	0,63	0,87	0,73
CD04	0,43	0,64	0,64	0,79	0,71	1,04	1,21	0,63	0,99	0,78
CD05	0,50	0,64	0,75	0,82	1,04	0,82	1,04	0,68	0,96	0,80
CD06	0,18	0,18	0,18	0,25	0,21	0,32	0,43	0,20	0,32	0,25
Mean	0,40	0,53	0,54	0,68	0,71	0,77	0,83	0,54	0,77	0,64

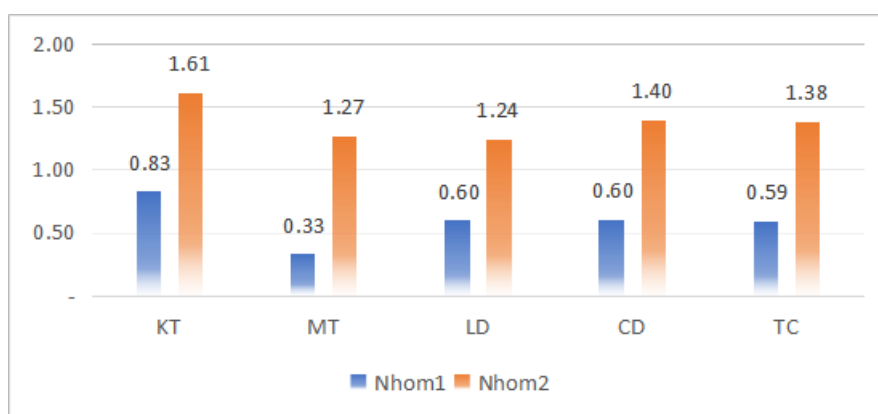
(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP)

Cùng với kết quả hoạt động kinh doanh hiệu quả, tăng trưởng qua các năm thì các ngân hàng TMCP cũng đã gia tăng thực hiện và công bố thông tin trách nhiệm cộng đồng của mình trên BCTN. Trong đó, mức độ công bố các chỉ tiêu đều tăng và được đánh giá khá cao trong cả giai đoạn 2015 - 2021, các chỉ tiêu hoạt động từ thiện, nhân đạo, hỗ trợ, chăm sóc người nghèo, đối tượng chính sách đã thực hiện (CD01); Hoạt động hỗ trợ Giáo dục (CD03); Y tế (CD04); Hoạt động Khác (CD05), đây là những hoạt động thường niên được các ngân hàng TMCP tích cực thực hiện, với giá trị và quy mô ngày càng mở rộng cùng với sự tham gia nhiệt tình của cán bộ nhân viên, cộng đồng, các hoạt động này được công bố trên BCNT cả thông tin tin định tính, định lượng và những hình ảnh tiêu biểu thể hiện rõ cam kết, trách nhiệm của các ngân hàng TMCP đến với cộng đồng. Với những hoạt động hướng đến cộng đồng đã thực hiện, do đó ngày càng nhiều ngân hàng được trao thưởng về các hoạt động trách nhiệm với cộng đồng.

Công bố thông tin theo bộ tiêu chí dựa trên Chuẩn mực GRI và Thông tư 96/2020/TT-BTC

Để xem xét, đánh giá sự khác biệt trong mức độ công bố thông tin giữa các ngân hàng áp dụng các tiêu chuẩn khác nhau, trong việc lập và trình bày thông tin CSR trên BCTN nghiên cứu đã chia các ngân hàng TMCP thành 02 nhóm: nhóm 01 là các ngân hàng đang công bố thông tin CSR theo hướng dẫn của Thông tư 96/2020/TT-BTC, nhóm này chiếm đa số với số lượng 23/31 ngân hàng TMCP; nhóm 02 là các ngân hàng đang áp dụng Chuẩn mực GRI4 để lập thành báo cáo PTBV (8/31 ngân hàng TMCP). Dữ liệu thu thập năm 2021, được sử dụng để so sánh mức độ công bố thông tin giữa 02 nhóm.

Biểu đồ 03: So sánh công bố thông tin CSR tại các NHTMCP



(Nguồn: tác giả tổng hợp từ dữ liệu phân tích trên BCTN của các ngân hàng TMCP)

Từ kết quả cho thấy, cả hai nhóm trong năm 2021 đều đã công bố đủ các khía cạnh CSR, trong đó khía cạnh được quan tâm, công bố nhiều nhất là kinh tế, tiếp đến là cộng đồng, người lao động và cuối cùng là môi trường. Nhóm 2 có mức độ công bố thông tin cao hơn gấp 2 lần so với nhóm 1 ở tất cả các khía cạnh CSR, và các khía cạnh đều có điểm công bố trên 1. Kết quả này cho thấy, nhóm 2 không chỉ công bố thông tin mà còn có sự đầu tư nhiều về cách thức công bố thông tin và những phân tích chuyên sâu chính sách và hoạt động CSR đã thực hiện. Trong nhóm 1 thì điểm trung bình của các khía cạnh đều thấp hơn 1, do đó thông tin CSR trong nhóm này hầu hết chỉ ở mức công bố các kết quả về CSR đã thực hiện trong năm.

6. Thuận lợi và khó khăn trong công bố thông tin CSR trên BCTN tại các ngân hàng TMCP

6.1. Thuận lợi

Khung pháp lý và hướng dẫn về công bố thông tin CSR ngày càng hoàn thiện, hỗ trợ cho ngân hàng trong việc cung cấp thông tin TNXH như: Thông tư 96/2020/TT-BTC thay thế Thông tư 155/2015/TT-BTC, về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, bộ chỉ số SCI 2022, ISO1400, ISO26000, chuẩn mực GRI... Đây vừa là cơ hội, đồng thời cũng là áp lực đến hệ thống ngân hàng để có sự thay đổi kịp thời và nhanh chóng cho phù hợp với xu hướng phát triển, những cải cách trong quản lý vĩ mô của Nhà nước, các quy định của các tổ chức, thông lệ quốc tế để có thể chủ động trong quá trình hội nhập.

Thực hiện TNXH đang là xu hướng phổ biến trên thế giới và trở thành yêu cầu mềm đối với các tổ chức kinh tế, do vậy thực hiện CSR cũng yếu tố quan trọng, cần thiết, nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe trong hoạt động, sự ủng hộ của cộng đồng, khách hàng và nội bộ ngân hàng, từ đó giúp ngân hàng hoàn thiện dần về định hướng, tổ chức, quy trình nghiệp vụ trong quá trình hoạt động của mình.

Hàng năm, các ngân hàng đã thực hiện nhiều hoạt động CSR tích cực do vậy việc hoàn chỉnh công bố thông tin CSR để cộng đồng hiểu rõ hơn về những hoạt động mà ngân hàng đã thực hiện là rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của ngân hàng.

Sự phát triển và vận dụng các ứng dụng CNTT trong hoạt động của ngân hàng ngày càng cao như: Cloud Computing, Big Data, tự động hóa quy trình bằng robot, AI, ML, Blockchain đã hỗ trợ trong công tác thu thập, xử lý, cung cấp thông tin tại các ngân hàng TMCP.

Sự quan tâm, theo dõi của khách hàng, cộng đồng đến hoạt động của các tổ chức kinh tế, cùng với sự phát triển của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội... do đó những thông tin tốt, tích cực từ phía ngân hàng về TNXH đã cam kết và thực hiện sẽ được sự ủng hộ của khách hàng, thị trường từ đó mở rộng cơ hội trong kinh doanh. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức không nhỏ đối với ngân hàng khi có những thông tin bất lợi sẽ ảnh hưởng lớn đến uy tín, hoạt động của ngân hàng.

6.2. Khó khăn

Sự hội nhập kinh tế mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới đã có những thay đổi trong môi trường kinh doanh, theo hướng yêu cầu các ngân hàng trong hoạt động phải gắn liền trách nhiệm của mình với môi trường và xã hội, cùng với đó là sự khắt khe trong các tiêu chuẩn đã thiết lập, đây là trở ngại của ngân hàng khi vừa phải đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, vừa phải đảm bảo được các yêu cầu về trách nhiệm của mình với cộng đồng.

Các ngân hàng đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện TNXH trong chiến lược kinh doanh nhằm phát triển bền vững, tuy nhiên việc lập báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế là một trở ngại. Qua kết quả phân tích trong nhóm khảo sát thì đến năm 2021, chỉ có 8/31 ngân hàng đã áp dụng tiêu chuẩn GRI trong nội dung báo cáo phát triển bền vững, các ngân hàng còn lại thì vẫn đang thực hiện công bố thông tin theo hướng dẫn của thông tư 96/2020/TT-BTC. Điều này cho thấy, sự khó khăn khi áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong công bố TNXH, đòi hỏi các ngân hàng phải đầu tư nguồn lực tài chính, nhân lực, kỹ thuật để có thể thu thập xử lý và cung cấp thông tin đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.

Các quy định về công bố thông tin CSR hiện nay còn đơn giản, các tiêu chí mang tính mở dẫn đến việc công bố thông tin TNXH tại mỗi ngân hàng khác nhau, tùy theo quan điểm quản trị và chính sách của mỗi ngân hàng.

7. Giải pháp nâng cao chất lượng công bố thông tin CSR tại các ngân hàng TMCP

7.1. Đối với các ngân hàng TMCP

Nâng cao nhận thức về vai trò công bố thông tin CSR cho các nhà quản trị ngân hàng: việc công bố, trình bày thông tin phụ thuộc rất lớn vào mục tiêu, chính sách của nhà quản trị tại các ngân hàng TMCP. Do đó, khi nhận thức được vai trò của thông tin CSR đến các đối tượng liên quan cũng như hoạt động của ngân hàng, các nhà quản trị sẽ có những chính sách phù hợp bao gồm cả đầu tư ngân sách, nguồn lực nhân sự cũng như công nghệ thích hợp, để có thể cung cấp thông tin CSR hữu ích đến các đối tượng sử dụng.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng thông tin CSR đã thực hiện: ngoài ra, cần xây dựng các cơ chế để tiếp nhận những ý kiến phản hồi về thông tin CSR đã công bố, để xem xét ý kiến đánh giá cả bên trong và các bên liên quan về nội dung, chất lượng, hình thức thông tin CSR cũng như các nhu cầu thông tin của CSR của các đối tượng liên quan, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện thông tin CSR trên BCTN tại đơn vị.

Nghiên cứu, vận dụng các chuẩn mực quốc tế trong việc trình bày và công bố thông tin CSR tại ngân hàng: các ngân hàng chưa áp dụng có thể tham khảo kinh nghiệm cách thức lập và trình bày thông tin CSR trên BCTN từ những ngân hàng và một số DN tiêu biểu có nhiều kinh nghiệm và phương pháp trong áp dụng chuẩn mực GRI trình bày thông tin phát triển bền vững hàng năm. Việc này sẽ giúp các ngân hàng hoàn thiện báo cáo CSR của mình, bổ sung những thông tin còn thiếu trong các khía cạnh CSR đã thực hiện, ngoài ra còn hỗ trợ trong việc phân tích chuyên sâu các thông tin đã thực hiện giúp nâng cao chất lượng công bố thông tin CSR tại đơn vị.

Ứng dụng công nghệ mới như: Cloud Computing, Big Data, AI, ML, Blockchain hỗ trợ các chính sách về CSR; quy trình thu thập, lưu trữ, xử lý các thông tin CSR đã thực hiện trong các ngân hàng, từ đó dễ dàng có được các dữ liệu cần thiết cho việc lập, trình bày thông tin CSR tại ngân hàng.

7.2. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước

Hiện tại, các quy định về lập, trình bày thông tin CSR trên BCTN còn mang tính mở, khuyến khích các đơn vị công bố nhiều hơn là mang tính bắt buộc. Do đó, các cơ quan quản lý Nhà nước cần quy định rõ ràng, chi tiết hơn về các nội dung cần công bố và có thể chi tiết cho những nhóm ngành khác nhau phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mỗi ngành.

Xây dựng các cơ chế để kiểm tra, giám sát việc thực hiện CSR cũng như công bố thông tin CSR trên BCTN của các DN, và có những hình thức xử lý kịp thời đối với những sai phạm liên quan đến CSR của các đơn vị công bố thông tin.

Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số DN phát triển bền vững và hàng năm xếp hạng kết quả hoạt động CSR của DN, đối với những đơn vị thực hiện tốt thì có những cơ chế ưu đãi, hỗ trợ phù hợp nhằm khuyến khích các DN gia tăng hoạt động và công bố thông tin CSR đã thực hiện.

7.3. Đối với các bên liên quan

Các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện và công bố thông tin CSR tại các ngân hàng, sự đóng góp ý kiến và giám sát thông tin CSR cũng như sự ủng hộ đối với các ngân hàng, đã thực hiện và công bố tốt thông tin CSR sẽ là cơ sở quan trọng, cho các ngân hàng nỗ lực hơn trong nâng cao kết quả hoạt động và quy trình cấp thông tin của mình.

8. Kết luận

Kết quả cho thấy, mức độ công bố thông tin CSR trên BCTN của các ngân hàng TMCP ngày tăng trong những năm qua và một số ngân hàng đã áp dụng chuẩn mực GRI trong việc lập và trình bày thông tin CSR. Điều này thể hiện các ngân hàng TMCP Việt Nam ngày càng ý thức được tầm quan trọng của việc thực hiện và công bố các thông tin CSR với các bên liên quan. Tuy nhiên, việc công bố thông tin CSR có sự chênh lệch khá lớn giữa các ngân hàng. Trong đó, những ngân hàng TMCP đã áp dụng chuẩn mực GRI có mức độ công bố thông tin CSR khá cao chỉ chiếm tỷ trọng thấp, phần lớn các ngân hàng còn lại thì mức độ công bố thông tin CSR còn thấp. Về các khía cạnh CSR thì các ngân hàng TMCP vẫn tập trung chính vào khía cạnh kinh tế, tiếp đến là cộng đồng và người lao động, khía cạnh môi trường mức độ công bố thông tin thấp nhất. Từ những kết quả phân tích, nghiên cứu đã đề xuất các pháp đối với các ngân hàng TMCP, cơ quan quản lý Nhà nước và các bên liên quan, để nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin CSR trên BCTN tại các ngân hàng TMCP.

Tài liệu tham khảo

- BCTN các ngân hàng TMCP từ năm 2015-2021*
Bộ Tài chính. (2015). *Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*
- Bộ Tài chính. (2020). *Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*
- Hà Thị Thủy. (2019). *Thực trạng công bố thông tin TNXH (CSR) của các công ty niêm yết tại Việt Nam, Tạp chí phát triển và hội nhập.*
- Hồ Thị Vân Anh. (2018). *TNXH và hiệu quả tài chính: bằng chứng từ các công ty niêm yết VN. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.*
- Ngân hàng Nhà nước. (2018). *Quyết định số 1604/QĐ-NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.*
- Nguyễn Thị Thu Nguyệt. (2021). *Mức độ công bố thông tin phát triển bền vững trong mối quan hệ với chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết tại Việt Nam, Luận án tiến sĩ, ĐH Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh*
- Phạm Hoàng Hải. (2022). *Hướng dẫn bộ chỉ số DN bền vững (CSI) 2022*
- Trần Thị Hoàng Yến. (2016). *Nghiên cứu tác động TNXH của DN đến kết quả hoạt động tài chính tại các NHTM Việt Nam. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.*
- Carroll, A. B. (2016). *Carroll's pyramid of CSR: taking another look, International Journal of Corporate Social Responsibility, vol. 1, no. 3, pp. 1-8.*
- Chan, M. C., Watson, J.
- Chan, M. C., Watson, J., và Woodliff, D. (2014). *Corporate governance and CSR disclosures. Journal of Business Ethics, 125(1), 59.*

Dương Thị Thu Thảo và cộng sự. (2019). The Effect of Corporate Social Responsibility Disclosure on Corporate Financial Performance. International Journal of Business, Economics and Management, 6(5), 264-288

GRI. (2016). The GRI Sustainability Reporting Standards

Hoàng An Bắc và cộng sự. (2020). Corporate Social Responsibility Disclosure and Financial Performance of Construction Enterprises: Evidence from Vietnam: EasyChair

Kasbun, N. F., Teh, B. H., và San Ong, T. (2017). Sustainability Reporting and Financial Performance of Malaysian Public Listed Companies. Institutions and Economies, 78-93

Matuszak và Rozanska. (2017). An examination of the relationship between CSR disclosure and financial performance: The case of Polish banks, Accounting And Management Information Systems, vol. 16, no. 4, pp. 522-533.

Taşkın, D. (2015). The Relationship between CSR and Banks' Financial Performance: Evidence from Turkey', Journal of Yaşar University, vol. 10, no. 39, pp. 21-30.

<https://finance.vietstock.vn/>

Website các ngân hàng TMCP Việt Nam